

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LŨ

Số: 3128/QĐ- UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Tiên Lũ, ngày 28 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ vào Quyết định số 192/2004/QĐ- TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương; Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 về phân bổ ngân sách địa phương; Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 về nhiệm vụ kế hoạch đầu tư công năm 2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND- UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính- Kế hoạch huyện; Thủ trưởng các ngành có liên quan căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện uỷ- HĐND;
- Như điều 3;
- Lưu VT. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bích Hương

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán
A	B	1
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	1.143.130,60
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	772.660,60
-	Thu NSDP hưởng 100%	3.830,00
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	768.830,60
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	370.470
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	370.470
2	Thu bổ sung có mục tiêu	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	
IV	Thu kết dư	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.143.130,60
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	1.143.130,60
1	Chi đầu tư phát triển	735.060,20
2	Chi thường xuyên	398.069,60
3	Dự phòng ngân sách	10.000,80
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-
II	Chi các chương trình mục tiêu	-
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

VH

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ
NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng



S T T	Nội dung	Dự toán
A	B	1
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	1.057.950,60
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	687.480,60
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	370.470
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	370.470
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	1.057.950,60
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	998.937,60
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	59.013,00
-	Chi bổ sung cân đối	59.013,0
-	Chi bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	144.193,00
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	85.180,00
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	59.013,00
-	Thu bổ sung cân đối	59.013,00
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	144.193,0

Handwritten mark

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện)



Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
A	B	1	2
	TỔNG THU NSNN	877.972,0	772.660,6
I	Thu nội địa	877.972,0	772.660,6
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thu từ khu vực CNT-DV ngoài quốc doanh	50.050,0	22.010,4
	Trong đó:		
-	Thuế GTGT	35.970,0	18.930,6
-	Thuế TNDN	4.000,0	2.000,0
-	Thuế tài nguyên	20,0	20,0
	Thu khác	10,0	9,8
	Cục thuế tỉnh điều tiết	10.050,0	1.050,0
5	Thuế thu nhập cá nhân	5.500,0	5.390,0
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	24.000,0	14.500,0
8	Thu phí, lệ phí	1.300,0	800,0
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	500,0	500,0
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	3.000,0	1.800,0
12	Thu tiền sử dụng đất	788.622,0	724.660,2
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	3.500,0	1.500,0
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.500,0	1.500,0
II	Thu viện trợ		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện)



Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1		
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.143.130,6	998.937,6	144.193,0
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.143.130,6	998.937,6	144.193,0
I	Chi đầu tư phát triển	735.060,2	659.098,0	75.962,2
1	Chi đầu tư cho các dự án			
	Trong đó: chi theo các lĩnh vực			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	Chi khoa học và công nghệ			
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	724.660,2	648.698,0	75.962,2
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	398.069,6	331.639,6	66.430,0
	Trong đó			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	213.757,0	213.757,0	
-	Chi khoa học và công nghệ (3)			
III	Dự phòng ngân sách	10.000,8	8.200,0	1.800,8
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-	-	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

Handwritten signature or mark.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2022
 (Kèm theo Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện)



Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.057.950,6
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH XÃ	59.013,0
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	998.937,6
I	Chi đầu tư phát triển	659.098,0
II	Chi thường xuyên	331.639,6
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	213.757,0
-	Chi khoa học và công nghệ (3)	
-	Chi quốc phòng	2.087,0
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	480,0
-	Chi y tế, dân số và gia đình	27.268,0
-	Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao	1.851,000
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.794,00
-	Chi bảo vệ môi trường	9.464,0
-	Chi các hoạt động kinh tế	17.383,0
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	31.792,6
-	Chi bảo đảm xã hội	23.813,0
-	Chi thường xuyên khác	1.950,0
III	Dự phòng ngân sách	8.200,0
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0,0
C	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NS CẤP TRÊN	
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

ke

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện)

Đvt: triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Chi bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
	Tổng số	85.180,000	59.013,000	-	-	144.193,000
1	Xã Minh Phương	208,500	4.322,217			4.530,717
2	Xã Cương Chính	220,000	4.445,778			4.665,778
3	Xã Thụy Lôi	1.467,000	4.027,289			5.494,289
4	Xã Thiện Phiến	392,000	3.942,695			4.334,695
5	Xã Thủ Sỹ	1.862,000	4.841,001			6.703,001
6	TT Vương	3.584,420	2.766,327			6.350,747
7	Xã Hưng Đạo	333,500	4.106,363			4.439,863
8	Xã Lệ Xá	1.684,000	4.441,832			6.125,832
9	Xã Dị Ché	13.885,880	3.018,145			16.904,025
10	Xã Nhật Tân	14.070,200	3.927,856			17.998,056
11	Xã Ngô Quyền	17.752,000	3.483,321			21.235,321
12	Xã Hải Triều	13.166,000	3.074,345			16.240,345
13	Xã Trung Dũng	1.667,500	4.230,135			5.897,635
14	Xã Đức Thắng	144,000	4.107,096			4.251,096
15	Xã An Viên	14.743,000	4.278,600			19.021,600

✓


PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Tiên Lữ)

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch phân bổ vốn 2022			Ghi chú
			Ban đầu	Cuối cùng hiện có	Tổng số	Trong đó:		
						Nguồn NS tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDD	
	Tổng cộng		1.946.693	1.943.148	510.098	10.400	499.698	
A	Dự án tỉnh hỗ trợ		744.369	741.718	78.839	0	78.839	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		677.182	674.875	68.938	0	68.938	
II	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		22.700	22.356	2.406	0	2.406	
III	LĨNH VỰC VĂN HÓA THÔNG TIN		14.990	14.990	4.495	0	4.495	
IV	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, THỦY LỢI		29.497	29.497	3.000	0	3.000	
B	Dự án nguồn vốn NS huyện		1.202.324	1.201.430	373.559	10.400	363.159	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		961.811	961.142	306.389	2.400	303.989	
II	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		76.148	76.061	19.266	6.000	13.266	
III	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		41.865	41.865	9.770	2.000	7.770	
IV	LĨNH VỰC VĂN HÓA THÔNG TIN		73.235	73.235	16.788	0	16.788	
V	LĨNH VỰC QUY HOẠCH		4.885	4.885	3.440	0	3.440	
VI	LĨNH VỰC ĐIỆN, HẠ TẦNG KỸ THUẬT		29.627	29.490	16.406	0	16.406	
VII	LĨNH VỰC AN NINH TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI		14.753	14.753	1.500	0	1.500	
C	Chi thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất				2.300		2.300	
D	Hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu và các chương trình đề án...				35.000		35.000	
E	Xây dựng trụ sở công an xã: Dị Chế, Nhật Tân, Hải Triều, Lệ Xá				20.000		20.000	



TT	Tên dự án	 Quyết định phê duyệt chủ trương, phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch phân bổ vốn 2022			Ghi chú
			Ban đầu	Cuối cùng hiện có	Tổng số	Trong đó:		
						Nguồn NS tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	
F	Kinh phí ủy thác cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Tiên Lữ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn				400		400	